TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 21 – 12 – 2020.
"Tranh chấp không công nhận
Quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Kim Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Trinh

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng Vân– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị D,** sinh năm 1966. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 108, Hoàng Hoa Thám, khóm D, phường A, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà D: Luật sư **Nguyễn Văn Năm**, Văn phòng luật sư Giang Minh Châu – thuộc đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh. (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Lâm Ch**, sinh năm 1965. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 108, Hoàng Hoa Thám, khóm D, phường A, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D vắng mặt, nhưng tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 10 năm 2020, cũng như bản khai ngày 04/11/2020 bà D trình bày: bà và ông

Lâm Ch được người mai mối và đi đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung tên Lâm Vũ L, sinh năm 1992 và Lâm Vũ Ng, sinh năm 1994, 02 con hiện nay đã có gia đình, Lâm Vũ Ng chung sống với gia đình bà còn Lâm Vũ L đã ở riêng và vẫn làm ăn chung với gia đình bà.

Về mâu thuẫn vợ chồng: vào khoảng giữa năm 2015 trở lại đây bà phát hiện ông Lâm Ch có người phụ nữ khác bên ngoài, bà nhiều lần khuyên giải nhưng ông Chiêu không từ bỏ, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trong khoảng thời gian dài.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà với ông Ch không còn, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nữa. Do đó bà yêu cầu cho bà được ly hôn với ông Lâm Ch.

Về con chung: 02 con chung Lâm Vũ L và Lâm Vũ Ng hiện nay đã trưởng thành tùy con quyết định cuộc sống, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chúng tôi đã thỏa thuận chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và đã được Tòa án giải quyết bằng quyết định có hiệu lực pháp luật, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Lâm Ch vắng mặt nhưng tại bản khai ngày 02 tháng 12 năm 2020 trình bày*: Vào năm 1989 ông và bà D gặp nhau yêu thương nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài nay bà D yêu cầu ly hôn ông cũng đồng ý ly hôn với bà D.

Về tài sản chung: vợ chồng đã thỏa thuận chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và được Tòa án giải quyết bằng quyết định đã có hiệu lực pháp luật, nay ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Lâm Vũ L, sinh năm 1992 và Lâm Vũ Ng, sinh năm 1994, hiện nay đã trưởng thành và có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Luật sư Nguyễn Văn Năm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày*: Xét thấy bà D và ông Ch chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật hôn nhân và gia đình không công nhận bà D và ông Ch là vợ chồng.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ và vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày của đương sự và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và bị đơn ông Lâm Ch có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị D và ông Lâm Ch, được sự mai mối hai người tìm hiểu yêu thương nhau và được gia đình hai bên chấp nhận tổ chức lễ cưới vào năm 1989, sau ngày cưới hai người tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống thời gian đầu hai người sống hạnh phúc đến nữa năm 2015 thì ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người không còn dành tình cảm yêu thương cho nhau, không có sự tôn trọng lẫn nhau bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày, mà không thể giải quyết trong thời gian dài từ 2015 cho đến nay.

Xét thấy bà D và ông Ch sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Mặc khác, theo điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì: "Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng".Nên việc bà Nguyễn Thị D và ông Lâm Ch không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó hội đồng xét xử không công nhận bà Nguyễn Thị D và ông Lâm Ch là vợ chồng.

[3] Về con chung: Lâm Vũ L, sinh ngày 29/3/1992 và Lâm Vũ Ng, sinh ngày 10/9/1994, Hiện nay hai người con đã trưởng thành không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần và không yêu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà D, ông Ch đã thỏa thuận chia tài sản chung và được Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh giải quyết bằng quyết định số 199/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 9 năm 2020 đã có hiệu lực pháp luật, nên bà D, ông Ch không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: bà D, ông Ch xác nhận hai người không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Vị luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày có cơ sở nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội , bà D phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000.

1. Về hôn nhân: không công nhận bà Nguyễn Thị D và ông Lâm Ch là vợ chồng.

2. Về con chung: Lâm Vũ L, sinh ngày 29/3/1992 và Lâm Vũ Ng, sinh ngày 10/9/1994, Hiện nay hai người con đã trưởng thành không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên tự định đoạt cuộc sống và không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: bà D, ông Ch xác nhận hai người không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0003882, ngày 02/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Ông Lâm Ch không phải chịu án phí.

Án sơ thẩm xét xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ CHỦ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Kim Triều

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh.
- VKSND TPTV.
- THADS TPTV.
- UBND nơi các đs cư trú
- Các đương sự.
- Lưu VP, HS (…)

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thị Mỹ Kim – Lê Thị Trinh **Huỳnh Kim Triều**